

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 6 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 03 NĂM 2025

(Địa chỉ: Cơ sở 624 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, Cơ sở 613 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. HCM)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 22/6/2025

Phòng kiểm tra: B1.PT01

CBCKTr1:

Ký tên:

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr2:

Ký tên:

Chiều 13:30 - 15:30 (Nói)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.03.001		Phạm Huỳnh Khả	Ái	20/09/2000	Cà Mau		
2	VHU.TAB1.03.002		Trương	An	17/11/1982	Thành phố Hồ Chí Minh		
3	VHU.TAB1.03.003		Phan Thị Kim	Chi	31/12/1976	Thành phố Hồ Chí Minh		
4	VHU.TAB1.03.004		Dương Kim	Cường	04/08/1990	Hà Tĩnh		
5	VHU.TAB1.03.005		Huỳnh Quang	Đức	01/10/1991	Đắk Lắk		
6	VHU.TAB1.03.006		Thạch	Hoàng	31/05/1987	Thành phố Hồ Chí Minh		
7	VHU.TAB1.03.007		Nguyễn Khoa	Huân	15/08/1993	Phú Yên		
8	VHU.TAB1.03.008		Nguyễn Mạnh	Hùng	10/05/1987	Bình Dương		
9	VHU.TAB1.03.009		Vũ Thị Ngọc	Hương	25/06/1979	Thành phố Hồ Chí Minh		
10	VHU.TAB1.03.010		Nguyễn Đỗ	Huy	10/08/1991	Bà Rịa - Vũng Tàu		
11	VHU.TAB1.03.011		Triệu Quang	Khải	08/04/1987	Tiền Giang		
12	VHU.TAB1.03.012		Lê Phong	Lam	12/12/1979	Thanh Hóa		
13	VHU.TAB1.03.013		Đỗ Thị Hoàng	Lan	03/04/1977	Tiền Giang		
14	VHU.TAB1.03.014		Hùng Vĩ	Lân	13/08/1992	Thành phố Hồ Chí Minh		
15	VHU.TAB1.03.015		Tạ Thị Phương	Loan	25/01/1986	Hưng Yên		
16	VHU.TAB1.03.016		Lê Văn	Lộc	18/03/1990	Lâm Đồng		
17	VHU.TAB1.03.017		Trần Anh Hoàng	Long	01/10/1997	Thành phố Hồ Chí Minh		
18	VHU.TAB1.03.018		Đỗ Thị Bích	Ngọc	19/08/1987	Nam Định		
19	VHU.TAB1.03.019		Nguyễn Thùy	Nhi	24/04/1982	Sóc Trăng		
20	VHU.TAB1.03.020		Đặng Mộng	Như	03/03/1983	Vĩnh Long		
21	VHU.TAB1.03.021		Nguyễn Vũ Hoàng	Phát	25/09/1985	Thành phố Hồ Chí Minh		
22	VHU.TAB1.03.022		Nguyễn Văn	Phong	29/09/1982	Bình Dương		
23	VHU.TAB1.03.023		Hồ Kim	Phụng	16/02/1991	Bình Định		
24	VHU.TAB1.03.024		Lê Công	Phụng	12/09/1979	Bình Định		
25	VHU.TAB1.03.025		Phan Nguyễn Hoàng	Son	10/05/1991	Thành phố Hồ Chí Minh		
26	VHU.TAB1.03.026		Lữ Ngọc	Tạo	28/11/1988	Bến Tre		
27	VHU.TAB1.03.027		Lê Thị	Thảo	15/06/1997	Quảng Ngãi		
28	VHU.TAB1.03.028		Trương Thị Thu	Thảo	29/12/1983	Bình Thuận		
29	VHU.TAB1.03.029		Phạm Thị Thanh	Thảo	06/02/1984	Ninh Bình		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
30	VHU.TAB1.03.030		Đặng Văn	Thiệu	11/11/1990	Đồng Nai		
31	VHU.TAB1.03.031		Trịnh Duy	Thịnh	29/07/1988	Ninh Bình		
32	VHU.TAB1.03.032		Trần Đức	Thuận	17/02/1975	Bình Định		
33	VHU.TAB1.03.033		Lê Thị Mai	Thủy	10/07/1987	Phú Yên		
34	VHU.TAB1.03.034		Nguyễn Thị Hoàng	Trang	27/11/1983	Đồng Nai		
35	VHU.TAB1.03.035		Nguyễn Thuyết	Triệu	08/05/1981	Bình Định		
36	VHU.TAB1.03.036		Trà Thị Thuý	Trình	08/11/1983	Đồng Nai		
37	VHU.TAB1.03.037		Võ Khắc	Trung	10/03/1990	Gia Lai		
38	VHU.TAB1.03.038		Nguyễn Vũ Minh	Tuấn	23/10/1984	Thành phố Hồ Chí Minh		
39	VHU.TAB1.03.039		Trần Minh	Tùng	20/03/1988	Quảng Ngãi		
40	VHU.TAB1.03.040		Nguyễn Quốc	Việt	23/04/1993	Lâm Đồng		
41	VHU.TAB1.03.041		Văn Đức	Vũ	01/12/1990	Bình Thuận		
42	VHU.TAB1.03.042		Hoàng Tuấn	Vũ	08/09/1993	Đắk Lắk		
43	VHU.TAB1.03.043		Nguyễn Thị Cẩm	Xuân	06/06/1979	Vĩnh Long		
44	VHU.TAB1.03.044		Trần Hoàng	Yến	01/01/1980	Tiền Giang		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 03 NĂM 2025

(Địa chỉ: Cơ sở 624 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, Cơ sở 613 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. HCM)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)
Phòng kiểm tra: B1.PT02
Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)
Chiều 15:30 - 17:30 (Nói)

Ngày kiểm tra: 22/6/2025
Ký tên:.....
Ký tên:.....

CBCKTr1:
CBCKTr2:

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.03.045	221A050652	Lê Đỗ Phúc	An	18/10/2004	Bà Rịa - Vũng Tàu		
2	VHU.TAB1.03.046	211A031065	Trương Thị Thuý	An	22/10/2003	Phú Yên		
3	VHU.TAB1.03.047	211A360008	Võ Văn	An	02/02/2003	Khánh Hòa		
4	VHU.TAB1.03.048	171A030446	Đặng Thiên	Ân	07/04/1999	Thành phố Hồ Chí Minh		
5	VHU.TAB1.03.049	201A190001	Ngô Lê Hồng	Ân	20/06/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
6	VHU.TAB1.03.050	221A370622	Đỗ Hoàng	Anh	26/10/2004	Lâm Đồng		
7	VHU.TAB1.03.051	221A370623	Đỗ Ngọc	Anh	26/10/2004	Lâm Đồng		
8	VHU.TAB1.03.052	201A190005	Đoàn Phi	Anh	24/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
9	VHU.TAB1.03.053	211A030630	Hồ Thị Kim	Anh	16/02/2003	Kiên Giang		
10	VHU.TAB1.03.054	211A030499	Hồ Thị Loan	Anh	18/06/2003	Kiên Giang		
11	VHU.TAB1.03.055	201A210039	Lê Trần Tuấn	Anh	30/01/2002	Long An		
12	VHU.TAB1.03.056	221A030546	Nguyễn Thị Vân	Anh	19/02/2004	An Giang		
13	VHU.TAB1.03.057	221A030711	Phan Phương	Anh	08/11/2003	Đồng Nai		
14	VHU.TAB1.03.058	211A100114	Nguyễn Trần Quỳnh	Ánh	26/09/2003	Quảng Ngãi		
15	VHU.TAB1.03.059	211A010233	Nguyễn Hoàng	Bắc	03/04/2003	Bình Định		
16	VHU.TAB1.03.060	211A140193	Nguyễn Hà Khánh	Băng	03/11/2003	Long An		
17	VHU.TAB1.03.061	211A270010	Nguyễn Thuý	Băng	29/03/2003	Bạc Liêu		
18	VHU.TAB1.03.062	221A210046	Nguyễn Khắc	Bảo	24/01/2004	Kon Tum		
19	VHU.TAB1.03.063	191A010062	Nguyễn Thế	Bảo	09/07/2001	Long An		
20	VHU.TAB1.03.064	211A030751	Trần Gia	Bảo	24/04/2003	Tiền Giang		
21	VHU.TAB1.03.065	211A080258	Bùi Thị Ngọc	Bích	09/06/2003	Tiền Giang		
22	VHU.TAB1.03.066	171A070131	Lê Khắc	Bình	05/09/1997	Bình Dương		
23	VHU.TAB1.03.067	201A070043	Lê Mộng	Bình	07/11/2002	Đồng Tháp		
24	VHU.TAB1.03.068	211A031046	Lê Thị Ngọc	Châm	17/12/2003	Tiền Giang		
25	VHU.TAB1.03.069	211A031324	Mai Ngọc Minh	Châu	01/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
26	VHU.TAB1.03.070	191A070044	Nguyễn Hoàng Minh	Châu	18/04/2001	Phú Yên		
27	VHU.TAB1.03.071	201A070042	Nguyễn Thành	Châu	03/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
28	VHU.TAB1.03.072	211A030396	Đoàn Thị Kim	Chi	04/03/2003	Bình Thuận		
29	VHU.TAB1.03.073	221A370012	Tạ Thị Linh	Chi	01/02/2004	Quảng Ngãi		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
30	VHU.TAB1.03.074	191A160097	Nguyễn Vũ	Chiến	05/08/2001	Gia Lai		
31	VHU.TAB1.03.075	211A031207	Nguyễn Đăng	Chương	04/04/2003	Ninh Thuận		
32	VHU.TAB1.03.076	211A030092	Huỳnh Phi	Cường	05/02/2003	Đồng Nai		
33	VHU.TAB1.03.077	211A070149	Tô Chí	Cường	04/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
34	VHU.TAB1.03.078	211A070056	Bùi Thị Khánh	Đan	10/04/2003	Nghệ An		
35	VHU.TAB1.03.079	201A080081	Nguyễn Thanh	Đan	20/08/2001	Phú Yên		
36	VHU.TAB1.03.080	211A030022	Huỳnh Thị Ngọc	Dâng	14/06/2003	Khánh Hòa		
37	VHU.TAB1.03.081	211A080136	Nguyễn Đình Hải	Đăng	16/11/2003	Kiên Giang		
38	VHU.TAB1.03.082	211A031440	Nguyễn Thụy Như	Đăng	31/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
39	VHU.TAB1.03.083	211A031302	Nguyễn Trương Hồng	Đào	23/02/2003	Đồng Tháp		
40	VHU.TAB1.03.084	211A230142	Trần Kiều	Diễm	30/05/2003	Cà Mau		
41	VHU.TAB1.03.085	211A080095	Nguyễn Thị Thu	Diện	16/06/2003	Quảng Bình		
42	VHU.TAB1.03.086	211A080243	Huỳnh Thị Xuân	Diệu	10/12/2003	Bình Thuận		
43	VHU.TAB1.03.087	211A030096	Nguyễn Thị Mỹ	Diệu	20/08/2003	Khánh Hòa		
44	VHU.TAB1.03.088	211A010095	Trần Thị Xuân	Diệu	16/02/2003	Quảng Ngãi		
45	VHU.TAB1.03.089	211A050251	Nguyễn Triệu	Đông	17/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
46	VHU.TAB1.03.090	221A310203	Chu Minh	Đức	20/05/2004	Gia Lai		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 03 NĂM 2025

(Địa chỉ: Cơ sở 624 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, Cơ sở 613 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. HCM)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)
Phòng kiểm tra: B1.PT03
Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)
Chiều 13:30 - 15:30 (Nói)

Ngày kiểm tra: 22/6/2025
Ký tên:.....
Ký tên:.....

CBCKTr1:
CBCKTr2:

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.03.091	211A290056	Nguyễn Đình	Đức	26/10/2003	Lâm Đồng		
2	VHU.TAB1.03.092	211A040167	Trương Thị Ngọc	Dung	18/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
3	VHU.TAB1.03.093	201A010080	Nguyễn Mạnh	Dũng	05/04/2002	Ninh Thuận		
4	VHU.TAB1.03.094	211A031072	Bùi Thị Thuý	Dương	12/01/2003	Bến Tre		
5	VHU.TAB1.03.095	211A030215	Nguyễn Thị Thảo	Dương	02/07/2003	An Giang		
6	VHU.TAB1.03.096	191A050034	Phạm Ngọc Ánh	Dương	29/03/2001	Đắk Lắk		
7	VHU.TAB1.03.097	201A080292	Huỳnh Triệu	Duy	06/12/2002	Cà Mau		
8	VHU.TAB1.03.098	201A080305	Lâm Khánh	Duy	04/11/2002	Bạc Liêu		
9	VHU.TAB1.03.099	221A010549	Lê Khánh	Duy	05/07/2004	Tiền Giang		
10	VHU.TAB1.03.100	221A030773	Nguyễn Ba	Duy	18/01/2004	Hà Tĩnh		
11	VHU.TAB1.03.101	211A210201	Nguyễn Quốc	Duy	26/04/2001	Tây Ninh		
12	VHU.TAB1.03.102	211A230192	Nguyễn Đặng Thùy	Duyên	09/02/2003	Phú Yên		
13	VHU.TAB1.03.103	221A371057	Trần Thị Tuyết	Duyên	20/08/2003	Bình Định		
14	VHU.TAB1.03.104	211A310071	Phạm Thị	Gám	15/11/2003	Đồng Tháp		
15	VHU.TAB1.03.105	211A030605	Phạm Trường	Giang	17/06/2003	Bến Tre		
16	VHU.TAB1.03.106	231A100113	Đoàn Thái	Hà	12/12/2005	Thành phố Hồ Chí Minh		
17	VHU.TAB1.03.107	191A030320	Trần Thị Thu	Hà	28/11/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
18	VHU.TAB1.03.108	211A030590	Hoàng Việt	Hải	08/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
19	VHU.TAB1.03.109	211A210020	Châu Gia	Hân	02/03/2003	Khánh Hòa		
20	VHU.TAB1.03.110	201A230110	Mai Trịnh Gia	Hân	05/12/2002	Bình Thuận		
21	VHU.TAB1.03.111	211A031104	Nguyễn Bảo	Hân	23/07/2003	Thừa Thiên Huế		
22	VHU.TAB1.03.112	221A370143	Nguyễn Hồng	Hân	02/11/2004	Tây Ninh		
23	VHU.TAB1.03.113	221A310067	Nguyễn Ngọc	Hân	19/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
24	VHU.TAB1.03.114	221A050299	Võ Thị Ngọc	Hân	01/08/2004	Tiền Giang		
25	VHU.TAB1.03.115	211A030382	Huỳnh Kim	Hằng	05/12/2003	Bến Tre		
26	VHU.TAB1.03.116	211A170402	Trương Khánh	Hằng	15/01/2003	Khánh Hòa		
27	VHU.TAB1.03.117	211A320061	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	26/04/2003	Tiền Giang		
28	VHU.TAB1.03.118	211A320067	Đinh Thị Như	Hào	17/08/2003	Kiên Giang		
29	VHU.TAB1.03.119	201A050145	Nguyễn Thị Tố	Hào	07/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
30	VHU.TAB1.03.120	201A160190	Phan Quang	Hiền	29/03/1999	Lâm Đồng		
31	VHU.TAB1.03.121	246A030033	Hồ Trần Trọng	Hiếu	11/05/1994	Bến Tre		
32	VHU.TAB1.03.122	211A080123	Văn Huỳnh	Hoa	23/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
33	VHU.TAB1.03.123		Kim Phước	Hòa	25/07/1998	Vĩnh Long		
34	VHU.TAB1.03.124	201A070074	Văn Tịnh	Hoài	15/04/2002	Cần Thơ		
35	VHU.TAB1.03.125	211A030783	Ngô Vĩnh Tuấn	Hoàng	07/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
36	VHU.TAB1.03.126	181A170044	Nguyễn Thị Xuân	Hương	23/01/2000	Tiền Giang		
37	VHU.TAB1.03.127	211A030558	Trần Nguyễn Quỳnh	Hương	28/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
38	VHU.TAB1.03.128	201A110026	Trần Thị Lan	Hương	06/04/2002	Hà Nội		
39	VHU.TAB1.03.129	201A030791	Đặng Thị Thu	Hường	16/01/2002	Lâm Đồng		
40	VHU.TAB1.03.130	191A030216	Bùi Gia	Huy	12/06/2001	Hải Dương		
41	VHU.TAB1.03.131	211A050031	Nguyễn Hoàng	Huy	09/05/2003	Đồng Tháp		
42	VHU.TAB1.03.132	211A030313	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Huy	28/03/2003	Đồng Nai		
43	VHU.TAB1.03.133	211A010335	Nguyễn Quốc	Huy	12/08/2003	Bình Dương		
44	VHU.TAB1.03.134	211A010256	Phạm Quốc	Huy	30/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
45	VHU.TAB1.03.135	201A050125	Thái Hiền	Huy	23/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 03 NĂM 2025

(Địa chỉ: Cơ sở 624 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, Cơ sở 613 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. HCM)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)
Phòng kiểm tra: B1.PT04
Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)
Chiều 15:30 - 17:30 (Nói)

Ngày kiểm tra: 22/6/2025
Ký tên:.....
Ký tên:.....

CBCKTr1:
CBCKTr2:

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.03.136	201A030277	Trần Văn	Huy	18/07/2002	Hà Tĩnh		
2	VHU.TAB1.03.137	211A160180	Phạm Ngọc	Huyền	06/06/2003	Đồng Nai		
3	VHU.TAB1.03.138	211A030681	Vũ Thị Ngọc	Huyền	03/05/2003	Thanh Hóa		
4	VHU.TAB1.03.139	221A040611	Võ Thị	Khái	26/11/2004	Phú Yên		
5	VHU.TAB1.03.140	211A070120	Nguyễn Trí	Khang	24/11/2003	Kiên Giang		
6	VHU.TAB1.03.141	201A070064	Trần Vĩ	Khang	16/06/2002	Đồng Tháp		
7	VHU.TAB1.03.142	221A040103	Nguyễn Duy	Khánh	23/01/2004	Tiền Giang		
8	VHU.TAB1.03.143	211A080206	Phạm Duy	Khánh	07/12/2003	Bạc Liêu		
9	VHU.TAB1.03.144	211A030456	Tổng Duy	Khánh	22/12/2003	An Giang		
10	VHU.TAB1.03.145	211A210042	Trần Đặng Duy	Khánh	29/10/2003	An Giang		
11	VHU.TAB1.03.146	191A080176	Nguyễn Đăng	Khoa	09/09/2001	Kiên Giang		
12	VHU.TAB1.03.147	201A070067	Phan Duy	Khoa	18/09/2002	Đồng Nai		
13	VHU.TAB1.03.148	211A030190	Võ Đăng	Khoa	01/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
14	VHU.TAB1.03.149	221A031051	Huỳnh Thị Thúy	Kiều	30/06/2004	Bình Định		
15	VHU.TAB1.03.150	211A320006	Nguyễn Ngọc	Kim	08/01/2003	Đồng Nai		
16	VHU.TAB1.03.151	191A070074	Nguyễn Thị Mỹ Anh	Kmăn	14/06/2001	Đắk Lắk		
17	VHU.TAB1.03.152	221A030114	Trần Diễm	Kỳ	01/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
18	VHU.TAB1.03.153	201A070131	Trương Hồng	Kỳ	18/04/2002	Long An		
19	VHU.TAB1.03.154	211A140418	Nguyễn Phương	Lam	02/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
20	VHU.TAB1.03.155	161A070126	Nguyễn Thị Hoàng	Lan	23/05/1998	Đắk Nông		
21	VHU.TAB1.03.156	211A030203	Nguyễn Đức	Lập	01/03/2003	Bình Thuận		
22	VHU.TAB1.03.157	211A030823	Nguyễn Thị Thuý	Liên	18/04/2002	Đồng Tháp		
23	VHU.TAB1.03.158	201A070139	Thái Hà Kiều	Liên	05/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
24	VHU.TAB1.03.159	211A030325	Lê Thị Mỹ	Linh	12/06/2003	Quảng Ngãi		
25	VHU.TAB1.03.160		Lương Hoàng Lam	Linh	14/10/1995	Long An		
26	VHU.TAB1.03.161	221A070037	Nguyễn Chí	Linh	16/09/2003	Tiền Giang		
27	VHU.TAB1.03.162	211A040143	Nguyễn Hồ Ngọc	Linh	04/10/2003	Bình Định		
28	VHU.TAB1.03.163	201A220006	Nguyễn Thị Kiều	Linh	11/01/2002	Quảng Ngãi		
29	VHU.TAB1.03.164	211A270025	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	18/08/2003	Bình Định		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
30	VHU.TAB1.03.165	221A370830	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	05/06/2004	Bình Định		
31	VHU.TAB1.03.166	221A070002	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	24/08/2004	Quảng Nam		
32	VHU.TAB1.03.167	211A030138	Nguyễn Trúc	Linh	30/10/2003	Bình Thuận		
33	VHU.TAB1.03.168	201A080086	Phạm Thị Tuyết	Linh	25/03/2002	Tiền Giang		
34	VHU.TAB1.03.169	221A230062	Tăng Trọng	Linh	04/02/2004	Bạc Liêu		
35	VHU.TAB1.03.170	236A030023	Nguyễn Thanh	Linh	04/10/1989	Bình Thuận		
36	VHU.TAB1.03.171	211A030512	Trần Kim	Loan	13/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
37	VHU.TAB1.03.172	211A210001	Hoàng Anh	Lộc	03/12/2003	Đồng Tháp		
38	VHU.TAB1.03.173	221A370880	Mai Đức	Lộc	28/10/2003	Đà Nẵng		
39	VHU.TAB1.03.174	201A040107	Nguyễn Tấn	Lộc	08/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
40	VHU.TAB1.03.175	211A030235	Trần Phúc	Lợi	09/02/2003	Đồng Nai		
41	VHU.TAB1.03.176	191A010055	Huỳnh Kim	Long	04/01/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
42	VHU.TAB1.03.177	211A230022	Lưu Hồng	Luân	14/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
43	VHU.TAB1.03.178	211A080231	Nguyễn Ngọc Khánh	Ly	20/10/2003	Quảng Trị		
44	VHU.TAB1.03.179	171A070166	Trần Trà	Ly	06/09/1999	Cà Mau		
45	VHU.TAB1.03.180	221A080249	Huỳnh Ngọc Xuân	Mai	24/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 03 NĂM 2025

(Địa chỉ: Cơ sở 624 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, Cơ sở 613 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. HCM)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)
Phòng kiểm tra: B1.PT05
Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)
Chiều 13:30 - 15:30 (Nói)

Ngày kiểm tra: 22/6/2025
Ký tên:.....
Ký tên:.....

CBCKTr1:
CBCKTr2:

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.03.181	211A030426	Lê Thị Trúc	Mai	19/08/2002	Cà Mau		
2	VHU.TAB1.03.182		Lê Xuân	Mai	23/09/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
3	VHU.TAB1.03.183	221A050664	Ngô Thị Xuân	Mai	02/07/2004	Hậu Giang		
4	VHU.TAB1.03.184	211A080114	Nguyễn Hoàng Tuyết	Mai	08/07/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu		
5	VHU.TAB1.03.185	201A050116	Đặng Hoàng Gia	Mẫn	28/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
6	VHU.TAB1.03.186	211A030245	Trần Thị Diễm	Mi	29/09/2002	Long An		
7	VHU.TAB1.03.187	181A030705	Bùi Hoàng Ngọc	Minh	23/05/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
8	VHU.TAB1.03.188	201A020007	Hà Văn	Minh	22/08/2002	Tây Ninh		
9	VHU.TAB1.03.189	221A270008	Trần Hoàng	Minh	19/02/2003	Đồng Tháp		
10	VHU.TAB1.03.190	201A110030	Trần Thị Quế	Minh	09/10/2002	Tiền Giang		
11	VHU.TAB1.03.191	211A080249	Đỗ Thị Quý	Mùi	04/02/2003	Bình Thuận		
12	VHU.TAB1.03.192	221A030199	Huỳnh Thị Diễm	My	21/10/2004	Tiền Giang		
13	VHU.TAB1.03.193	221A050692	Lê Thảo	My	10/12/2004	Quảng Ngãi		
14	VHU.TAB1.03.194	201A050151	Phạm Điệp Quỳnh	My	25/08/2001	Lâm Đồng		
15	VHU.TAB1.03.195	211A230085	Đậu Nhật	Nam	03/05/2003	Hà Tĩnh		
16	VHU.TAB1.03.196	201A030522	Lê Hoàng	Nam	14/09/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
17	VHU.TAB1.03.197	211A010135	Hoàng Thị	Nga	19/10/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu		
18	VHU.TAB1.03.198	201A070154	Nguyễn Thị	Nga	30/12/2001	Gia Lai		
19	VHU.TAB1.03.199	211A080257	Nguyễn Thị Ngọc	Ngà	07/12/2003	Đồng Tháp		
20	VHU.TAB1.03.200	221A040460	Nguyễn Ngọc Tuyết	Ngân	04/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
21	VHU.TAB1.03.201	221A031373	Nguyễn Thúy Hồng	Ngân	24/03/2004	Đà Nẵng		
22	VHU.TAB1.03.202	211A030492	Phạm Thị Kim	Ngân	13/11/2003	Kiên Giang		
23	VHU.TAB1.03.203	211A140328	Phạm Trần Mỹ	Ngân	27/12/2003	Tiền Giang		
24	VHU.TAB1.03.204	211A050131	Trần Ngọc Kim	Ngân	16/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
25	VHU.TAB1.03.205	201A080265	Trần Phan Khánh	Ngân	20/07/2002	Lâm Đồng		
26	VHU.TAB1.03.206	221A030469	Lê Xuân	Nghi	25/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
27	VHU.TAB1.03.207	211A030223	Nguyễn Hoàng Đông	Nghi	27/02/2003	Tây Ninh		
28	VHU.TAB1.03.208	221A370073	Nguyễn Vịnh	Nghi	27/07/2004	Khánh Hòa		
29	VHU.TAB1.03.209	231A050478	Phạm Nguyễn Gia	Nghi	30/08/2005	Bến Tre		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
30	VHU.TAB1.03.210	211A031042	Đặng Hữu	Nghĩa	24/05/2003	Đồng Tháp		
31	VHU.TAB1.03.211	201A230071	Lê Quốc	Nghĩa	21/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
32	VHU.TAB1.03.212	211A030063	Hà Thê	Ngọc	31/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
33	VHU.TAB1.03.213	211A031114	Mai Thị Hồng	Ngọc	25/01/2003	Đồng Nai		
34	VHU.TAB1.03.214	201A030473	Nguyễn Đức	Ngọc	25/02/2002	Khánh Hòa		
35	VHU.TAB1.03.215	191A070007	Nguyễn Khánh	Ngọc	09/01/2001	Đồng Nai		
36	VHU.TAB1.03.216	221A031162	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	18/03/2004	Đồng Tháp		
37	VHU.TAB1.03.217	221A370291	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	06/09/2004	Bình Thuận		
38	VHU.TAB1.03.218	211A050321	Nguyễn Thụy Bích	Ngọc	30/01/2003	Lâm Đồng		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 03 NĂM 2025

(Địa chỉ: Cơ sở 624 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, Cơ sở 613 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. HCM)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)
Phòng kiểm tra: B1.PT06
Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nói)
Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

Ngày kiểm tra: 22/6/2025
Ký tên:.....
Ký tên:.....

CBCKTr1:
CBCKTr2:

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.03.219	201A030669	Phan Huỳnh Hồng	Ngọc	12/10/2002	Bình Thuận		
2	VHU.TAB1.03.220	211A050354	Phan Thị Bích	Ngọc	11/10/2003	Bến Tre		
3	VHU.TAB1.03.221	221A030115	Võ Huỳnh Như	Ngọc	29/10/2004	Tiền Giang		
4	VHU.TAB1.03.222	211A080081	Lê Thanh	Nguyên	29/10/2003	Đồng Tháp		
5	VHU.TAB1.03.223	211A210138	Nguyễn Thảo	Nguyên	18/10/2003	Phú Yên		
6	VHU.TAB1.03.224	201A080285	Nguyễn Thảo Phương	Nguyên	30/08/2002	Bạc Liêu		
7	VHU.TAB1.03.225	211A031320	Phạm Thị Khôi	Nguyên	13/09/2003	Đắk Lắk		
8	VHU.TAB1.03.226	211A310060	Tổng Thái	Nguyên	19/04/2003	An Giang		
9	VHU.TAB1.03.227	211A030634	Đặng Thị Thu	Nguyệt	20/08/2003	Bình Định		
10	VHU.TAB1.03.228	211A030344	Lý Xuân	Nguyệt	19/01/2003	Trà Vinh		
11	VHU.TAB1.03.229	211A240073	Châu Thanh	Nhàn	30/09/2003	Bình Dương		
12	VHU.TAB1.03.230	191A030381	Nguyễn Trọng	Nhân	12/02/2001	An Giang		
13	VHU.TAB1.03.231	191A080096	Bùi Hoàng	Nhạn	22/11/2001	Bến Tre		
14	VHU.TAB1.03.232	211A050113	Nguyễn Trương Minh	Nhật	15/01/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu		
15	VHU.TAB1.03.233	181A080372	Đỗ Uyển	Nhi	18/01/2000	Tiền Giang		
16	VHU.TAB1.03.234	211A070015	Hà Hoài	Nhi	15/12/2003	Gia Lai		
17	VHU.TAB1.03.235	211A190007	Lê Nguyên	Nhi	13/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
18	VHU.TAB1.03.236	221A310152	Lê Thị Ngọc	Nhi	10/09/2004	Bến Tre		
19	VHU.TAB1.03.237	211A050158	Lý Thị Yến	Nhi	06/06/2003	Tây Ninh		
20	VHU.TAB1.03.238	221A050720	Mai Yến	Nhi	26/03/2004	Đồng Tháp		
21	VHU.TAB1.03.239	211A320130	Ngô Thị Ngọc	Nhi	30/07/2003	Kiên Giang		
22	VHU.TAB1.03.240	211A100134	Nguyễn Ngọc Minh	Nhi	20/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
23	VHU.TAB1.03.241	211A210235	Nguyễn Ngọc Tường	Nhi	19/05/2003	Quảng Nam		
24	VHU.TAB1.03.242	211A070152	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	04/07/2003	Tiền Giang		
25	VHU.TAB1.03.243	201A080025	Nguyễn Thị Quyển	Nhi	17/04/2002	Bạc Liêu		
26	VHU.TAB1.03.244	211A040140	Phạm Nguyễn Yến	Nhi	28/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
27	VHU.TAB1.03.245	211A030938	Phạm Thị Huỳnh	Nhi	09/11/2003	Vĩnh Long		
28	VHU.TAB1.03.246	211A050162	Phan Hồng	Nhi	18/09/2003	Bình Phước		
29	VHU.TAB1.03.247	211A031153	Phan Thị Tuyết	Nhi	20/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
30	VHU.TAB1.03.248	211A030667	Trần Mai	Nhi	17/03/2003	Đắk Lắk		
31	VHU.TAB1.03.249	211A030084	Trần Thị Yến	Nhi	03/11/2003	Khánh Hòa		
32	VHU.TAB1.03.250	201A030490	Trương Hoàng Yến	Nhi	01/05/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
33	VHU.TAB1.03.251	211A040182	Trương Tuyết	Nhi	26/04/2003	Bình Thuận		
34	VHU.TAB1.03.252	201A080272	Bùi Phạm Quỳnh	Như	15/07/2002	Đồng Nai		
35	VHU.TAB1.03.253	211A080177	Lê Thị Thanh	Như	20/11/2003	Tiền Giang		
36	VHU.TAB1.03.254	211A310037	Nguyễn Quỳnh	Như	08/10/2003	Đồng Nai		
37	VHU.TAB1.03.255	211A300029	Phạm Cao Quỳnh	Như	24/09/2003	Đồng Tháp		
38	VHU.TAB1.03.256		Phạm Thị Bích	Như	14/02/1989	An Giang		
39	VHU.TAB1.03.257	211A080080	Trịnh Gia	Như	01/03/2003	Bạc Liêu		
40	VHU.TAB1.03.258	211A320003	Trương Huỳnh	Như	04/08/2002	Đồng Tháp		
41	VHU.TAB1.03.259	211A160093	Bùi Thị Hồng	Nhung	08/01/2003	Bình Định		
42	VHU.TAB1.03.260	211A320135	Cao Thị	Nhung	19/01/2003	Gia Lai		
43	VHU.TAB1.03.261	201A100026	Hoàng Thị Hồng	Nhung	22/07/2002	Bình Phước		
44	VHU.TAB1.03.262	211A070082	Lê Đặng Hồng	Nhung	17/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
45	VHU.TAB1.03.263	211A140259	Ngô Thị Hồng	Nhung	01/05/2003	Bình Định		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 03 NĂM 2025**

(Địa chỉ: Cơ sở 624 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, Cơ sở 613 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. HCM)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Phòng kiểm tra: B1.PT07

Giờ kiểm tra: Sáng 10:00 - 12:00 (Nói)

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr1:

CBCKTr2:

Ngày kiểm tra: 22/6/2025

Ký tên:.....

Ký tên:.....

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.03.264	211A230220	Lê Hữu	Nhật	19/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
2	VHU.TAB1.03.265	211A030086	Bùi Thị Kiều	Oanh	20/10/2003	Gia Lai		
3	VHU.TAB1.03.266	211A300097	Phạm Hoàng Ngọc	Oanh	30/11/2003	Đồng Nai		
4	VHU.TAB1.03.267	221A030985	Tô Yến	Oanh	07/12/2004	Ninh Thuận		
5	VHU.TAB1.03.268	201A030310	Trần Thị Ngọc	Oanh	08/05/2001	Quảng Nam		
6	VHU.TAB1.03.269	191A030515	Trương Thị Hoàng	Oanh	27/04/2001	Vĩnh Long		
7	VHU.TAB1.03.270	211A010104	Bùi Tấn	Phát	01/03/2003	Vĩnh Long		
8	VHU.TAB1.03.271	201A080231	Nguyễn Thế	Phong	08/06/2002	Bình Phước		
9	VHU.TAB1.03.272	201A270005	Đàm Gia	Phú	13/03/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
10	VHU.TAB1.03.273	221A210413	Phan Ngọc	Phú	12/10/2004	Tiền Giang		
11	VHU.TAB1.03.274	201A080033	Trần Xuân	Phú	31/10/2002	Lâm Đồng		
12	VHU.TAB1.03.275	211A010190	Đồng Đăng	Phúc	29/01/2003	Bắc Ninh		
13	VHU.TAB1.03.276	201A010005	Lê Chí	Phúc	14/02/2000	Tây Ninh		
14	VHU.TAB1.03.277	211A080096	Trần Hoàng	Phúc	09/02/2003	Đồng Tháp		
15	VHU.TAB1.03.278		Phạm Thị Kim	Phụng	23/11/1993	Đồng Nai		
16	VHU.TAB1.03.279	171A030107	Lê Lý Hoàng	Phước	18/05/1999	Bà Rịa - Vũng Tàu		
17	VHU.TAB1.03.280	211A050259	Nguyễn Chính	Phước	26/12/2003	Đắk Lắk		
18	VHU.TAB1.03.281	211A030337	Đoàn Thị Ngọc	Phương	11/03/2003	Tiền Giang		
19	VHU.TAB1.03.282	201A040089	Huỳnh Thị Yến	Phương	14/12/2002	Long An		
20	VHU.TAB1.03.283	246A030017	Lê Ngọc	Phương	12/12/1991	Thành phố Hồ Chí Minh		
21	VHU.TAB1.03.284	201A070159	Ngô Đức	Phương	26/03/2002	Lâm Đồng		
22	VHU.TAB1.03.285	201A230066	Vũ Thị Kim	Phương	08/03/2002	Bình Phước		
23	VHU.TAB1.03.286	201A030281	Đỗ Trần Minh	Quân	11/10/2002	Lâm Đồng		
24	VHU.TAB1.03.287	211A031524	Vương Ngọc	Quý	20/11/2003	Trà Vinh		
25	VHU.TAB1.03.288	201A010249	Lê Phú	Quốc	21/06/2002	Phú Yên		
26	VHU.TAB1.03.289	171A080273	Nguyễn Tấn	Quốc	04/12/1998	Bình Thuận		
27	VHU.TAB1.03.290	221A050722	Trương Thị Thảo	Quy	26/11/2003	Phú Yên		
28	VHU.TAB1.03.291	161A030244	Lê Thị Mỹ	Quyên	18/03/1998	Đắk Lắk		
29	VHU.TAB1.03.292	181A080178	Nguyễn Thị Thu	Quyên	11/11/2000	Tây Ninh		
30	VHU.TAB1.03.293	221A210664	Phạm Thu	Quyên	18/12/2004	Đồng Tháp		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
31	VHU.TAB1.03.294	221A320255	Trịnh Kim	Quyên	17/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
32	VHU.TAB1.03.295	211A030039	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	24/01/2002	Long An		
33	VHU.TAB1.03.296	211A031234	Đỗ Thị Hương	Quỳnh	28/11/2003	Thái Nguyên		
34	VHU.TAB1.03.297	211A031116	Lê Đỗ Phương	Quỳnh	20/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
35	VHU.TAB1.03.298	211A080219	Lê Thị Thuý	Quỳnh	25/10/2003	Bến Tre		
36	VHU.TAB1.03.299	211A031378	Nguyễn Diễm	Quỳnh	05/05/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu		
37	VHU.TAB1.03.300	211A031220	Nguyễn Việt	Sang	16/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
38	VHU.TAB1.03.301	201A150096	Nguyễn Yến	Sang	23/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
39	VHU.TAB1.03.302	211A030487	Võ Thị Tuyết	Sương	14/09/2003	Bình Thuận		
40	VHU.TAB1.03.303	211A030999	Nguyễn Đoàn Long	Tài	30/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
41	VHU.TAB1.03.304	221A030454	Lý Thị Thanh	Tâm	04/02/2004	Long An		
42	VHU.TAB1.03.305		Nguyễn Tử Minh	Tâm	31/07/1989	Tiền Giang		
43	VHU.TAB1.03.306	221A240050	Vũ Nhật	Tân	15/10/2004	Phú Thọ		
44	VHU.TAB1.03.307	201A100036	Châu Yếu	Tết	16/12/1992	Sóc Trăng		
45	VHU.TAB1.03.308	191A080166	Đào Duy	Thái	13/03/2001	Lâm Đồng		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 03 NĂM 2025

(Địa chỉ: Cơ sở 624 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, Cơ sở 613 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. HCM)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)
Phòng kiểm tra: B1.PT08
Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nói)
Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

Ngày kiểm tra: 22/6/2025
Ký tên:.....
Ký tên:.....

CBCKTr1:
CBCKTr2:

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.03.309	211A010404	Nguyễn Quốc	Thái	26/09/2003	Quảng Ngãi		
2	VHU.TAB1.03.310	211A070141	Trần Nhật	Thái	22/02/2003	Long An		
3	VHU.TAB1.03.311	211A140002	Lê Thị Hồng	Thắm	21/09/2002	Tiền Giang		
4	VHU.TAB1.03.312	211A150257	Trương Thị Hồng	Thắm	05/05/2003	Tây Ninh		
5	VHU.TAB1.03.313	211A030418	Đinh Văn	Thắng	28/12/2003	Thanh Hóa		
6	VHU.TAB1.03.314		Lê Minh	Thắng	03/02/1985	Quảng Nam		
7	VHU.TAB1.03.315		Trần Văn	Thắng	02/12/1980	Tây Ninh		
8	VHU.TAB1.03.316	211A190003	Hà	Thanh	22/03/2001	Nghệ An		
9	VHU.TAB1.03.317	211A230206	Nguyễn Ngọc	Thanh	10/01/2003	Quảng Ngãi		
10	VHU.TAB1.03.318	221A020035	Võ Duy	Thanh	25/07/2004	Đồng Nai		
11	VHU.TAB1.03.319	211A010007	Nguyễn Đình	Thành	09/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
12	VHU.TAB1.03.320	171A070187	Nguyễn Ngọc	Thành	07/12/1999	Bà Rịa - Vũng Tàu		
13	VHU.TAB1.03.321	211A270040	Bùi Thị Phương	Thảo	25/07/2003	Long An		
14	VHU.TAB1.03.322	211A070161	Chu Thị Thanh	Thảo	19/10/2003	Bình Thuận		
15	VHU.TAB1.03.323	221A030376	Hồ Thu	Thảo	22/10/2004	Bình Định		
16	VHU.TAB1.03.324	211A230146	Huỳnh Thị Anh	Thảo	16/04/2003	Ninh Thuận		
17	VHU.TAB1.03.325	211A080216	Huỳnh Thị Thanh	Thảo	19/02/2003	Đồng Tháp		
18	VHU.TAB1.03.326	221A030116	Lê Thị Hương	Thảo	17/05/2004	Bình Phước		
19	VHU.TAB1.03.327	201A100025	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	04/08/2002	Đồng Nai		
20	VHU.TAB1.03.328		Nguyễn Thị Thanh	Thảo	27/06/1997	Bình Thuận		
21	VHU.TAB1.03.329	211A031096	Trần Thị Phương	Thảo	10/01/2003	Lâm Đồng		
22	VHU.TAB1.03.330	201A040007	Trương Thị Thanh	Thảo	01/12/2002	Bến Tre		
23	VHU.TAB1.03.331	221A031100	Võ Thu	Thảo	03/07/2004	Bình Thuận		
24	VHU.TAB1.03.332	211A040073	Lê Thị Kim	Thi	12/04/2003	Bến Tre		
25	VHU.TAB1.03.333	201A270017	Trần Thị Mộng	Thi	01/01/2002	Bến Tre		
26	VHU.TAB1.03.334	211A080116	Trương Ngọc Anh	Thi	01/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
27	VHU.TAB1.03.335	161A070233	Võ Hồng	Thiên	01/05/1998	Quảng Nam		
28	VHU.TAB1.03.336	211A080082	Đinh Đức	Thịnh	01/01/2003	Đồng Tháp		
29	VHU.TAB1.03.337	211A030172	Trần Anh	Thơ	29/06/2003	Phú Yên		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
30	VHU.TAB1.03.338	201A030519	Hùynh Hoàng	Thông	07/10/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
31	VHU.TAB1.03.339	191A010118	Nguyễn Đức	Thông	28/07/2001	Đồng Nai		
32	VHU.TAB1.03.340	211A010083	Phan Huy	Thông	23/03/2003	Bến Tre		
33	VHU.TAB1.03.341	211A031052	Nguyễn Thái Uyên	Thu	03/08/2003	Bình Thuận		
34	VHU.TAB1.03.342	221A040344	Dương Hoàng Anh	Thư	13/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
35	VHU.TAB1.03.343	211A230082	Lê Hoàng Oanh	Thư	08/12/2003	Bình Thuận		
36	VHU.TAB1.03.344	211A040231	Lê Nguyễn Trang	Thư	03/09/2003	Tiền Giang		
37	VHU.TAB1.03.345	211A070052	Mai Thị Minh	Thư	15/05/2003	Cà Mau		
38	VHU.TAB1.03.346	211A230009	Nguyễn Thị Anh	Thư	13/11/2003	Tiền Giang		
39	VHU.TAB1.03.347	211A010060	Thái Minh	Thuần	26/10/2003	Khánh Hòa		
40	VHU.TAB1.03.348	201A070052	Nguyễn Ngọc	Thuận	09/06/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
41	VHU.TAB1.03.349	201A210012	Nguyễn Trang Hiền	Thực	13/01/2002	Bình Thuận		
42	VHU.TAB1.03.350	211A030612	Nguyễn Võ Hiền	Thực	27/02/2003	Quảng Ngãi		
43	VHU.TAB1.03.351	201A010081	Nguyễn Hoài	Thương	04/09/2002	Bình Thuận		
44	VHU.TAB1.03.352	211A080075	Nguyễn Thanh	Thúy	28/10/2003	Bình Thuận		
45	VHU.TAB1.03.353	191A030053	Trần Thị	Thúy	13/10/2001	Bình Phước		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẠC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 03 NĂM 2025**

(Địa chỉ: Cơ sở 624 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, Cơ sở 613 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. HCM)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Phòng kiểm tra: B1.PT09

Giờ kiểm tra: Sáng 10:00 - 12:00 (Nói)

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr1:

CBCKTr2:

Ngày kiểm tra: 22/6/2025

Ký tên:.....

Ký tên:.....

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.03.354	211A070002	Trần Thị Thanh	Thủy	19/05/2003	Kon Tum		
2	VHU.TAB1.03.355	171A140016	Trần Xuân	Thy	07/08/1999	Thành phố Hồ Chí Minh		
3	VHU.TAB1.03.356	211A050199	Đa Ngọc Thủy	Tiên	07/10/2003	Bình Thuận		
4	VHU.TAB1.03.357	221A030915	Nguyễn Thị Kiều	Tiên	29/04/2004	Đồng Tháp		
5	VHU.TAB1.03.358	211A290001	Võ Thị Hạnh	Tiên	06/07/1999	Thành phố Hồ Chí Minh		
6	VHU.TAB1.03.359	201A030428	Ngô Quang	Tiến	23/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
7	VHU.TAB1.03.360	161A100104	Nguyễn Lê Trí	Tín	31/01/1998	Thành phố Hồ Chí Minh		
8	VHU.TAB1.03.361	211A030470	Lưu Văn An	Toàn	21/09/2003	Long An		
9	VHU.TAB1.03.362	201A030081	Nguyễn Tiến	Tới	06/01/2002	Đắk Lắk		
10	VHU.TAB1.03.363	201A040101	Nguyễn Hoàng Ngọc	Trâm	12/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
11	VHU.TAB1.03.364	211A230136	Vũ Thị Ngọc	Trâm	05/07/2003	Đắk Lắk		
12	VHU.TAB1.03.365	211A320145	Vy Bảo	Trâm	10/08/2003	Bình Phước		
13	VHU.TAB1.03.366	201A030200	Đào Thị Bích	Trân	16/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
14	VHU.TAB1.03.367	211A320040	Huỳnh Thị Thảo	Trân	24/01/2003	Tây Ninh		
15	VHU.TAB1.03.368	221A370485	Huỳnh Trần	Trân	13/01/2004	Cà Mau		
16	VHU.TAB1.03.369	211A031362	Lê Ngọc	Trân	30/04/2003	Kiên Giang		
17	VHU.TAB1.03.370	211A030720	Nguyễn Huỳnh Bảo	Trân	04/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
18	VHU.TAB1.03.371	211A140202	Phan Huỳnh Bảo	Trân	12/03/1999	Thành phố Hồ Chí Minh		
19	VHU.TAB1.03.372	211A030274	Đinh Huỳnh Thảo	Trang	11/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
20	VHU.TAB1.03.373	211A030116	Nguyễn Kiều	Trang	15/12/2003	Bạc Liêu		
21	VHU.TAB1.03.374	211A040085	Nguyễn Thị Thùy	Trang	06/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
22	VHU.TAB1.03.375	201A040014	Nguyễn Thủy	Trang	09/02/2002	Tây Ninh		
23	VHU.TAB1.03.376		Võ Thị Minh	Trang	06/12/1990	Bến Tre		
24	VHU.TAB1.03.377	211A010185	Nguyễn Văn	Trí	03/04/2003	Khánh Hòa		
25	VHU.TAB1.03.378	211A020014	Trịnh Nguyễn Hiền	Trí	20/06/2003	Vĩnh Long		
26	VHU.TAB1.03.379	201A170168	Nguyễn Thị Lan	Trình	05/09/2002	Bình Phước		
27	VHU.TAB1.03.380	201A010146	Nguyễn Văn	Trọng	18/05/2002	Cần Thơ		
28	VHU.TAB1.03.381	211A070086	Lê Thành	Trúc	20/12/2003	Tây Ninh		
29	VHU.TAB1.03.382	211A010328	Nguyễn Thị Mai	Trúc	28/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
30	VHU.TAB1.03.383	211A030662	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	27/07/2003	Ninh Thuận		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
31	VHU.TAB1.03.384	211A240065	Trần Thị Kim	Trúc	14/12/2003	Phú Yên		
32	VHU.TAB1.03.385	211A320022	Ngô Minh	Trung	27/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
33	VHU.TAB1.03.386	201A030896	Nguyễn Văn	Trung	06/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
34	VHU.TAB1.03.387	211A080121	Bùi Nhật	Trường	13/04/2003	Tây Ninh		
35	VHU.TAB1.03.388		Nguyễn Quang	Trường	07/05/2001	Đắk Nông		
36	VHU.TAB1.03.389	201A310010	Nguyễn Thanh	Tú	13/08/2002	Đồng Tháp		
37	VHU.TAB1.03.390	211A040138	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	07/06/2003	Tiền Giang		
38	VHU.TAB1.03.391	211A240074	Phạm Thị Cẩm	Tú	30/04/2003	Hậu Giang		
39	VHU.TAB1.03.392	211A230013	Trần thị Cẩm	Tú	23/08/2003	Tiền Giang		
40	VHU.TAB1.03.393	191A010113	Hồ	Tuấn	03/07/2001	Thừa Thiên Huế		
41	VHU.TAB1.03.394	211A010015	Ngô Hoàng Anh	Tuấn	28/09/2003	Long An		
42	VHU.TAB1.03.395	201A320025	Nguyễn Đình	Tuấn	28/05/2002	Bình Thuận		
43	VHU.TAB1.03.396	201A270009	Nguyễn Thanh	Tùng	15/01/2002	Thành Phố Hồ Chí Minh		
44	VHU.TAB1.03.397	211A080001	Trần Lan	Tường	12/07/2000	Đồng Tháp		
45	VHU.TAB1.03.398	211A030305	Đặng Thị Bích	Tuyền	09/08/2002	Khánh Hòa		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 03 NĂM 2025

(Địa chỉ: Cơ sở 624 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, Cơ sở 613 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. HCM)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)
Phòng kiểm tra: B1.PT10
Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nói)
Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

Ngày kiểm tra: 22/6/2025
Ký tên:.....
Ký tên:.....

CBCKTr1:
CBCKTr2:

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.03.399	211A080213	Huỳnh Thị Ngọc	Tuyền	28/09/2003	Bến Tre		
2	VHU.TAB1.03.400	211A031344	Nguyễn Ngọc Thanh	Tuyền	02/05/2003	Bình Định		
3	VHU.TAB1.03.401	201A080063	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	22/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
4	VHU.TAB1.03.402	201A030305	Phạm Như Ánh	Tuyết	09/01/2002	Bình Thuận		
5	VHU.TAB1.03.403	191A080079	Nguyễn Băng Tường	Uyên	01/08/2000	Bình Thuận		
6	VHU.TAB1.03.404	201A100011	Phạm Ngọc Huệ	Uyên	01/04/2002	Đồng Nai		
7	VHU.TAB1.03.405	211A031102	Phạm Thị Hoài	Uyên	06/11/2003	Quảng Ngãi		
8	VHU.TAB1.03.406	211A030827	Đào Thị Thúy	Vân	05/01/2003	Bình Phước		
9	VHU.TAB1.03.407	221A320338	Trần Phương Thảo	Vân	13/02/2001	Bình Thuận		
10	VHU.TAB1.03.408	211A030724	Trần Thị	Vân	25/07/2003	Quảng Ngãi		
11	VHU.TAB1.03.409		Trương Thị Thúy	Vân	19/08/1980	Quảng Nam		
12	VHU.TAB1.03.410	221A290009	Nguyễn Đình	Văn	07/01/2002	Gia Lai		
13	VHU.TAB1.03.411		Nguyễn Khắc Tường	Văn	27/12/2000	Đồng tháp		
14	VHU.TAB1.03.412	211A080070	Nguyễn Thị Tuyết	Vinh	21/03/2003	Bình Định		
15	VHU.TAB1.03.413	211A230214	Phùng Tấn	Vinh	03/02/2003	Bình Định		
16	VHU.TAB1.03.414	221A050659	Nguyễn Trung	Vĩnh	08/08/2004	Tây Ninh		
17	VHU.TAB1.03.415	201A210111	Lê Văn	Vũ	22/12/2002	Bình Dương		
18	VHU.TAB1.03.416	211A031511	Quản Bá Thiên	Vũ	19/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
19	VHU.TAB1.03.417	211A070038	Nguyễn Tấn	Vương	16/12/2002	Tiền Giang		
20	VHU.TAB1.03.418	211A050243	Đặng Vũ Tường	Vy	03/11/2003	Bình Định		
21	VHU.TAB1.03.419	211A070026	Đỗ Thuý	Vy	30/11/2003	Bạc Liêu		
22	VHU.TAB1.03.420	201A070038	Huỳnh Nguyễn Phương	Vy	02/06/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
23	VHU.TAB1.03.421	211A320013	Lê	Vy	04/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
24	VHU.TAB1.03.422	211A030121	Nguyễn Hà Thuý	Vy	18/01/2003	Tiền Giang		
25	VHU.TAB1.03.423	221A320261	Nguyễn Phan Tường	Vy	05/08/2004	Đồng Tháp		
26	VHU.TAB1.03.424	211A300028	Nguyễn Thanh	Vy	19/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
27	VHU.TAB1.03.425	211A030902	Nguyễn Thị Cẩm	Vy	21/05/2003	Long An		
28	VHU.TAB1.03.426	221A370244	Nguyễn Thị Thảo	Vy	09/07/2004	Tiền Giang		
29	VHU.TAB1.03.427	221A070079	Nguyễn Thị Thúy	Vy	01/07/2004	Vĩnh Long		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
30	VHU.TAB1.03.428	201A010023	Nguyễn Thị Trường	Vy	25/05/2002	Bến Tre		
31	VHU.TAB1.03.429	201A270003	Nguyễn Thuý	Vy	21/10/2002	Bến Tre		
32	VHU.TAB1.03.430	201A080197	Nguyễn Thụy Yến	Vy	07/01/2002	Bà Rịa - Vũng Tàu		
33	VHU.TAB1.03.431	201A070085	Nguyễn Triệu Yến	Vy	03/09/2001	Kiên Giang		
34	VHU.TAB1.03.432	211A030468	Võ Phạm Thuý	Vy	24/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
35	VHU.TAB1.03.433	221A030236	Lại Thị	Xuân	11/11/2004	Bình Phước		
36	VHU.TAB1.03.434	211A290016	Phương Tuyết	Xuân	09/12/2003	Tây Ninh		
37	VHU.TAB1.03.435	211A030614	Sú Mẫn	Y	02/02/2003	Bình Thuận		
38	VHU.TAB1.03.436	201A030554	Đương Mỹ	Yến	15/04/2001	Cà Mau		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết